

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 108/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30-09-2022
V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Châu Nam Phú.

Hội thẩm nhân dân:

Nguyễn Thanh Thuần;

Huỳnh Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Quốc Trung - thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên Tòa: bà Neàng Sa Men – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 09 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp "xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 127/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 09 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị Bích E, sinh năm 1995. Nơi cư trú: ấp T1, xã V, huyện H, tỉnh Long An, vắng mặt.

2. *Bị đơn:* anh Phạm Văn T, sinh năm 1989. Nơi cư trú: tổ 6, ấp P, xã A, huyện B, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích E trình bày:

Về hôn nhân: chị Bích E và anh T tự tìm hiểu, chung sống với nhau vào năm 2018 và ngày 24/8/2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Cư, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Sau khi kết hôn chúng chị Bích E chung sống tại ấp P, xã A, huyện B, tỉnh An Giang. Thời gian đầu, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T không chí thú làm ăn, không quan tâm, chăm lo cho gia đình lại thích ăn chơi, nghiện ma túy, anh T đã bị đưa đi cai nghiện bắt buộc tại cơ sở điều trị và cai nghiện ma túy tỉnh An Giang đến 3 lần, trong khi chị Bích E phải đi làm rất cực khổ để kiếm tiền nuôi 02 con. Chị Bích E đã nhiều lần khuyên anh T dừng sử dụng ma túy nhưng anh T không sửa đổi, vẫn tiếp tục sử dụng ma túy. Mâu thuẫn giữa chị Bích E và anh T là trầm trọng không khắc phục được, chị Bích E và anh T cũng không còn chung sống với nhau từ đó cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ, không thể tiếp tục chung sống với nhau nữa. Nay, chị Bích E yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị Bích E được ly hôn với anh T.

Về con chung: chị Bích E và anh T trong thời gian chung sống có hai con chung tên Phạm D B1, sinh ngày 22/3/2017 hiện đang sống cùng anh T và Phạm D H1, sinh ngày 23/4/2020 hiện do chị Bích E đang trực tiếp nuôi dưỡng.

Hiện tại thu nhập của chị Bích E chỉ đủ nuôi 01 con chung, do sức khỏe của cháu Hiếu rất yếu, thường xuyên bị bệnh nên chị Bích E xin quyền trực tiếp nuôi Hiếu, giao cho chung tên Bảo cho anh T nuôi dưỡng

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Bích E không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

2. Quá trình tố tụng, bị đơn anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chỉ có nguyên đơn chị E có mặt, bị đơn anh T vắng mặt (không có lý do) nên Tòa án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được.

Ngày 13/09/2022, Tòa án mở phiên tòa xét xử và đã triệu tập hợp lệ các đương sự, tại phiên tòa thứ nhất có mặt nguyên đơn, bị đơn anh T vắng mặt không có lý do nên Tòa án hoãn phiên tòa lần thứ nhất.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Bích E vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt), bị đơn anh T tiếp tục vắng mặt không có lý do và không ai cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm cho Tòa án.

3. Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Ý kiến về việc tuân theo pháp luật:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Bích E thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh T chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: giữa Chị E và anh T do quen biết tự tìm hiểu nhau và tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2017, đến năm 2018 mới đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Xét thấy về tình cảm giữa chị với anh T không còn hạnh phúc từ năm 2020, do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T không chí thu làm ăn, không chăm lo cho gia đình, thích ăn chơi, sử dụng ma túy, chị đã nhiều lần khuyên nhưng anh T không nghe, nên cả hai đã sống ly thân từ thời điểm đó cho đến nay. Xét thấy thời gian ly thân chị E và anh T không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn lại xây dựng gia đình. Điều đó cho thấy sự mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chị E và anh T là rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị E yêu cầu ly hôn với anh T là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: có hai đứa con chung chị đồng ý để cháu Phạm D B1, sinh ngày 22/3/2017 cho anh T Tiếp tục nuôi dạy, chị nuôi dạy cháu tên Phạm D H1, sinh ngày 23/4/2020, chị và anh T không cấp dưỡng cho nhau;

Về tài sản chung và nợ chung: Khai không có, nên không xem xét, giải quyết.

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được HĐXX xem xét và kết quả của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa và trên cơ sở phân tích trên, đề nghị HĐXX xem xét áp dụng các Điều 51, 56 và Điều 81-84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích E đối với anh Phạm Văn T;

Về con chung: Giao con chung tên Phạm D B1, sinh ngày 22/3/2017 cho anh T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dạy, chị E được tiếp tục chăm sóc, nuôi dạy cháu Phạm D H1, sinh ngày 23/4/2020, chị E và anh T không phải cấp dưỡng cho nhau;

Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hôn nhân gia đình về xin ly hôn và bị đơn có nơi cư trú tại trên địa bàn huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn chị Bích E (có đơn xin xét xử vắng mặt); bị đơn anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ tham gia phiên tòa lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự và xét xử vụ án theo trình tự thủ tục quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về áp dụng pháp luật: quan hệ hôn nhân xác lập năm năm 2018, trong thời điểm luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đang có hiệu lực nên áp dụng luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

- Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Bích E và anh T được xác lập trong năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B theo đúng Luật hôn nhân gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Theo lời trình bày của nguyên đơn và xác minh tại địa phương thì hôn nhân của chị Bích E và anh T phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2020 đến nay.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014:

Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa T khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng chị Bích E và anh T đã không còn sống chung với nhau từ năm 2020 đến nay, do nhiều bất đồng trong quan điểm sống. Từ đó, cho thấy tình trạng hôn nhân của chị Bích E và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị Bích E khởi kiện xin ly hôn với anh T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về quan hệ con chung: chị Bích E và anh T có hai đứa con chung tên Phạm D B1, sinh ngày 22/3/2017, đang chung sống với anh T và Phạm D H1, sinh ngày 23/4/2020 đang chung sống với chị Bích E. Khi ly hôn, chị Bích E xin quyền nuôi cháu H1 và giao cháu B1 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Nhận thấy, cháu H1 dưới 36 tháng tuổi về nguyên tắc giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng và cháu B1 đang sinh sống với anh T, vì vậy để ổn định môi trường sống của con chung chưa thành niên Hội đồng xét xử thống nhất giao con chung tên H1 cho chị Bích E tiếp tục nuôi dưỡng và giao cháu B1 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với pháp luật quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở bên kia (người không trực tiếp nuôi) trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người người nuôi con.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con; về quan hệ tài sản chung và nợ chung: chị Bích E không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu chia tài sản chung và khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Quá trình tố tụng, bị đơn anh Phạm Văn T không có ý kiến bằng văn bản, không cung cấp tài liệu, chứng gì cho Tòa án nên không xem xét.

[8] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích E là người xin ly hôn nên phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án Hôn nhân và Gia đình;

- Bị đơn anh Phạm Văn T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 218; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích E

Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Bích E được ly hôn với anh Phạm Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 110 ngày 24 tháng 08 năm 2018 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về quan hệ con chung:

Giao con con chung tên Phạm D B1, sinh ngày 22/3/2017 cho anh Phạm Văn T tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Bích E không phải cấp dưỡng nuôi con;

Giao con con chung tên Phạm D H1, sinh ngày 23/4/2020 cho chị Nguyễn Thị Bích E tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Phạm Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con

Chị Nguyễn Thị Bích E, anh Phạm Văn T là bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dạy con chung;

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Bích E phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án Hôn nhân nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007660 ngày 06 tháng 04 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện Tịnh Biên;
- Tòa án tỉnh An Giang;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- THA huyện Tịnh Biên;
- Lưu Vp + Hs.

Châu Nam Phú